TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 29 - 9 - 2017
V/v Ly hôn giữa chị T và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh Hồng T; cư trú: Số 390A/19 khu vực Bình Dương, phường Long Hòa, quận BT, thành phố CT.

Bị đơn: Anh Trần Quốc D; cư trú: Số 34C ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố VL, tỉnh VL (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2017, biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2017 và các biên bản hòa giải đoàn tụ không thành chị Nguyễn Huỳnh Hồng T trình bày: Chị và anh Trần Quốc D kết hôn năm 2015 có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Long Hòa, quận BT, thành phố CT, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên nhà mẹ ruột của anh D tại số 34C ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hội, thành phố VL, tỉnh VL do không phù hợp tính tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhiều lúc anh còn đánh đập chị, cách nay mấy tháng chị trở về nhà của mẹ ruột tại số 390A/19 khu vực Bình Dương, phường Long Hòa, quận BT, thành phố CT sinh sống đến nay, vợ chồng có một con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh C sinh 30/9/2015 do chị T nuôi dưỡng, từ lúc chị và anh D ly thân đến nay anh không đến thăm con lần nào cũng không đưa tiền phụ chị nuôi con, xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D, yêu cầu được trực tiếp nuôi con anh D phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như trên.

Tại các biên bản hòa giải đoàn tụ không thành anh Trần Quốc D trình bày: Ngày tháng năm kết hôn và con chung như chị T trình bày là đúng, trong cuộc sống vợ chồng cũng thường hay cãi vã nhưng sỡ dĩ chị T ly hôn với anh là do nghe lời mẹ ruột của chị xúi giục, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án xử chấp nhận cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh.

Quan điểm Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 144 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử: Chấp nhận cho chị T ly hôn với anh D, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, tài sản đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị T và anh D xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay chị T yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh về nuôi con", anh D hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T anh D có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân trước khi chị T nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần chị T vẫn trình bày không còn tình cảm với anh D nên không thể hàn gắn vợ chồng, mong muốn được ly hôn và tại phiên tòa chị vẫn yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị ly hôn để chị an tâm lo làm ăn kiếm tiền nuôi con.

Tại các phiên hòa giải anh D trình bày vẫn còn thương vợ không muốn ly hôn, nhưng chỉ thể hiện bằng lời nói mà không có hành động cụ thể, thời gian vợ chồng sống ly thân chị T một mình nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nhưng anh không tới thăm nom, chăm sóc vợ con cũng không đưa tiền để phụ chị nuôi con, điều này cho thấy anh không cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Xét hôn nhân của chị T và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh D.

[3]. Về con chung:

Bé Trần Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 30/9/2015 dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, do đó việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tại các phiên hòa giải anh D trình bày thu nhập của anh 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/tháng nên xét yêu cầu của chị T về việc đòi anh D cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về nợ: Chị T và anh D trình bày anh chị không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Huỳnh Hồng T ly hôn với anh Trần Quốc D.

2. Về nuôi con chung:

Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh C sinh ngày 30 tháng 9 năm 2015, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về tài sản: Đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Huỳnh Hồng T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nộp ngày 22/6/2017 biên lai thu số 0002698 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Buộc anh Trần Quốc D nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí cấp dưỡng.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND Tp. Vĩnh Long;
- Chi cục thi hành án DS Tp. Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Long Hòa;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Chi